

Số: 165 /TB-UBND

Phú Lương, ngày 11 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO

**Kết quả thẩm định hỗ trợ các hộ dân bị thiệt hại trong sản xuất
nông nghiệp do cơn bão số 11 năm 2025 trên địa bàn
xã Phú Lương (đợt 2)**

Căn cứ Nghị định số 09/2025/NĐ-CP, ngày 10/01/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật; Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND, ngày 30/7/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về ban hành quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Công văn số 3292/SNNMT-KHTC, ngày 21/10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên về việc thực hiện hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ nội dung đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại của các hộ dân, biên bản kiểm tra, thống kê, đánh giá mức độ thiệt hại của các xóm và thành viên Tổ công tác kiểm tra, rà soát thiệt hại do cơn bão số 11 năm 2025 trên địa bàn xã Phú Lương theo Quyết định số 1178/QĐ-UBND, ngày 08/10/2025 của UBND xã Phú Lương;

Căn cứ Quyết định số 1254/QĐ-UBND, ngày 25/10/2025 của UBND xã Phú Lương về việc thành lập Tổ thẩm định hỗ trợ thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn xã Phú Lương.

Căn cứ Báo cáo số 60/BC-TTĐ, ngày 11/11/2025 của Tổ thẩm định hỗ trợ thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn xã Phú Lương về kết quả thẩm định hồ sơ hỗ trợ các hộ dân bị thiệt hại trong sản xuất nông nghiệp do cơn bão số 11 năm 2025 trên địa bàn xã Phú Lương (đợt 2);

Ủy ban nhân dân xã Phú Lương thông báo kết quả thẩm định hỗ trợ cho các hộ dân bị thiệt hại trong sản xuất nông nghiệp do cơn bão số 11 năm 2025 trên địa bàn xã Phú Lương (đợt 2), cụ thể như sau:

- Tổng số hộ đề nghị hỗ trợ: 1.643 hộ.
- Tổng số hộ đủ điều kiện hỗ trợ theo từng nội dung như sau:
 - + Đối với cây trồng: 1.602 hộ
 - + Đối với lâm nghiệp: 36 hộ
 - + Đối với thủy sản: 17 hộ

- + Đối với chăn nuôi: 0 hộ
- Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ: **2.547.402.000** đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm linh hai nghìn đồng*)

(*Có phụ biểu 01, 02, 03, 04 kèm theo*)

Đề đảm bảo các nội dung hỗ trợ thiệt hại, UBND xã Phú Lương yêu cầu:

1. Phòng Kinh tế

- Kiểm tra, đôn đốc các xóm triển khai niêm yết công khai danh sách hỗ trợ.
- Tổng hợp, báo cáo kết quả niêm yết công khai của các xóm; Tham mưu xây dựng dự thảo quyết định phê duyệt danh sách và số tiền hỗ trợ (đợt 2). Thời gian chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận báo cáo kết quả niêm yết của các xóm.

2. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã: Đăng tải danh sách và số tiền hỗ trợ thiệt hại (đợt 2) cho các hộ dân do bão số 11 trên cổng thông tin điện tử xã.

3. Các ông/bà Trưởng xóm

- Căn cứ danh sách và số tiền hỗ trợ cho các hộ dân bị thiệt hại do bão số 11 theo Thông báo, tổ chức niêm yết công khai thông qua các nhóm zalo xóm, niêm yết tại hội trường xóm. Thời gian niêm yết công khai **15 ngày** kể từ ngày bắt đầu công khai.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả công khai (*thời gian, hình thức, địa điểm, kết quả*). Đề xuất, ghi rõ lý do đề nghị điều chỉnh, bổ sung (nếu có) gửi UBND xã (*qua phòng Kinh tế*) chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc công khai tại xóm.

Trên đây là Thông báo kết quả thẩm định hỗ trợ các hộ dân bị thiệt hại trong sản xuất nông nghiệp do cơn bão số 11 năm 2025 trên địa bàn xã Phú Lương (đợt 2). Yêu cầu các cơ quan, đơn vị và các ông/bà Trưởng xóm nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã
- Tổ Thẩm định;
- Trưởng các xóm;
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh Tuấn

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIẾT HẠI TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
DO CƠN BÃO SỐ 11 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHÚ LƯƠNG (ĐỢT 2)**

(Kèm theo Thông báo số

165

/TB-UBND, ngày 11/11/2025 của UBND xã Phú Lương)

TT	Xóm	Số hộ bị thiệt hại trong sản xuất nông nghiệp	Số hộ đủ điều kiện hỗ trợ cây trồng	Số hộ đủ điều kiện hỗ trợ lâm nghiệp	Số hộ đủ điều kiện hỗ trợ thủy sản	Số hộ đủ điều kiện hỗ trợ vật nuôi	Số tiền đề nghị hỗ trợ đối với cây trồng (triệu đồng)	Số tiền đề nghị hỗ trợ đối với lâm nghiệp (triệu đồng)	Số tiền đề nghị hỗ trợ đối với chăn nuôi (triệu đồng)	Số tiền đề nghị hỗ trợ đối với thủy sản (triệu đồng)	Tổng số tiền hỗ trợ đợt 1 (triệu đồng)
1	Giang Trung	22	22				37,233				37,233
2	Vườn Thông	41	39				64,810				64,810
3	Đuôm	15	15				10,530				10,530
4	Ao Sen	40	40				54,540				54,540
5	Lân 1	63	63				87,618				87,618
6	Lân 2	49	49				72,885				72,885
7	Giang Long	47	47				84,481				84,481
8	Cọ 1	94	94				252,201				252,201
9	Làng Ngòi	66	66		1		142,920		0,540		143,460
10	Cây Châm	49	49	2			40,335	4,920			45,255
11	Thông Nhất	73	71				80,765				80,765
12	Làng Bò	63	63				36,880				36,880
13	Giang Tân	16	16				25,740				25,740
14	Ao Trám	11	9				9,980				9,980
15	Giang 1	105	105				157,092				157,092
16	Giang 2	116	115				137,453				137,453
17	Bún 2	85	84				160,112				160,112
18	Bún 1	95	95				101,385				101,385
19	Bầu 2	107	107				238,636				238,636
20	Thọ Lâm	87	87				127,319				127,319
21	Hoa 1	87	86				188,930				188,930
22	Đồng Nghè 2	98	88	13	2		94,485	44,96		3,780	143,225
23	Hoa 2	70	60				71,622				71,622
24	Đồng Nghè 1	102	97	18	14		154,784	14,448		12,960	182,192
25	Làng Mai	16	16				8,338				8,338
26	Giang Khánh	10	8				7,418				7,418
27	Giang Sơn	13	11				12,410				12,410
28	Làng Chảo	3		3				4,896			4,896
	Tổng	1.643	1.602	36	17	-	2.460,898	69,224	-	17,28	2.547,402

TT	Địa phương	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích											Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ		
		Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm					Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm					
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng			
		ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	tr.đồng	
	1	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25		
49	Hoàng Văn Hải B			0,180																				1,800		
50	Nguyễn Thị Hiền			0,144																				1,440		
51	Trần Văn Đu			0,288				0,108																4,500		
52	Nguyễn Hữu Ất			0,144				0,072																2,520		
53	Vi Văn Truyền			0,360				0,036																4,140		
54	Vi Văn Vĩnh			0,720																				7,200		
55	Nhân Văn Hạnh			0,252																				2,520		
56	Hoàng Văn Thanh			0,036																				0,360		
57	Nguyễn Xuân Xuyên			0,108																				1,080		
58	Nông Văn Hiền			0,108																				1,080		
59	Hoàng Trọng Ngân																							-		
60	Mai Thị Nguyệt			0,144																				1,440		
61	Nguyễn Thị Trang			0,108																				1,080		
62	Mai Thị Hoàn			0,072																				0,720		
63	Bùi Thị Thơi							0,108																1,620		
64	Nông Văn Quang							0,072																1,080		
65	Triệu Minh Thông			0,288				0,108																4,500		
66	Triệu Văn Thường			0,144				0,108																3,060		
X	Cây Châm			2,514				0,556							1,290				0,054					40,335		
1	Lê Xuân Đám														0,072									0,360		
2	Bùi Đức Hưng														0,072									0,360		
3	Nguyễn Đức Nam														0,036									0,180		
4	Vũ Đình Oanh			0,072																				0,720		
5	Đình Thị Sửu			0,072																				0,720		
6	Nguyễn Văn Khởi														0,036									0,180		
7	Nguyễn Văn Kiều														0,144									0,720		
8	Lê Văn Thông			0,144																				1,440		
9	Vũ Đình Thiện			0,126											0,126									1,890		
10	Nông Văn Đức			0,108																				1,080		
11	Nguyễn Đức Hải							0,11							0,036									1,800		
12	Nguyễn Văn Tiến			0,036											0,072									0,720		
13	Lê Văn Hải			0,054																				0,540		
14	La Văn Phong														0,072				0,05					0,765		

BẢNG TỔNG HỢP THIẾT HẠI VÀ NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ ĐỐI VỚI LÂM NGHIỆP BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI

(Kèm theo Thông báo số 165/TB-UBND, ngày 11/11/2025 của UBND xã Phú Lương)



STT	Địa chỉ (Xóm)	Tổng giá trị thiệt hại (tr.đồng)	DIỆN TÍCH THIẾT HẠI HƠN 70%					DIỆN TÍCH THIẾT HẠI TỪ 30% - 70%					Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		
						Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	
		Triệu đồng	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	tr.đồng
		2	3	4	5	6		7	8	9		10	
I	Cây Châm		0,615	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4,920
1	Bùi Đức Phương		0,3										2,400
2	La Văn Thư		0,315										2,520
II	Đồng Nghè 2		5,62	0	0	0	0	0	0	0	0	0	44,960
1	Lục Thị Năm		0,4										3,200
2	Nông Văn Dị		1										8,000
3	Vi Văn Tuấn		0,02										0,160
4	Nông Văn Quỳnh		1										8,000
5	Hoàng Văn Cảnh		0,03										0,240
6	Lý Văn Lập		1										8,000
7	Hoàng Văn Cao		0,07										0,560
8	Hoàng Kim Sơn		0,15										1,200



STT	Địa chỉ (Xóm)	Tổng giá trị thiệt hại (tr.đồng g)	DIỆN TÍCH THIẾT HẠI HƠN 70%				DIỆN TÍCH THIẾT HẠI TỪ 30% - 70%					Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ	
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		
						Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi
9	Nông Nghiệp Tân		0,05										0,400
10	Nông Văn Hy		0,5										4,000
11	Tô Văn Chiêu		0,2										1,600
12	Lý Sắc Thiệu		0,2										1,600
13	Lê Văn Hà		1										8,000
III	Đồng Nghè 1		1,806	0	0	0	0	0	0	0	0	0	14,448
1	Hoàng Văn Ân		0,072										0,576
2	Lý Thị Núng		0,2										1,600
3	Lê Văn Dương		0,036										0,288
4	Mông Văn Khánh		0,036										0,288
6	Hoàng Văn Thanh		0,072										0,576
7	Hoàng Văn Phương		0,35										2,800
8	Lý Văn Hào		0,15										1,200
9	Lương Thị Hà		0,3										2,400
10	Hoàng Văn Dện		0,144										1,152
11	Lê Thanh Nghị		0,108										0,864
12	Lê Thị Hải		0,05										0,400



STT	Địa chỉ (Xã)	Tổng giá trị thiệt hại (tr.đồng)	DIỆN TÍCH THIẾT HẠI HƠN 70%				DIỆN TÍCH THIẾT HẠI TỪ 30% - 70%				Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ		
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống		Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm	
						Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi					Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi
13	Hoàng Văn Đềm		0,036										0,288
14	Lãng Văn Sinh		0,036										0,288
15	Nông Văn Lự		0,036										0,288
16	Chu Viết Thường		0,072										0,576
17	Lãng Văn Giáp		0,072										0,576
18	Lê Tôn Hiến		0,036										0,288
IV	Làng Chảo		0,612	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4,896
1	Cao Văn Minh		0,5										4,000
2	Lý Thị Cói		0,04										0,320
3	Lèo Văn Toàn		0,072										0,576
	Tổng		8,653	0	0	0	0	0	0	0	0	0	69,224



BẢNG TỔNG HỢP THIẾT HẠI VÀ NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ ĐỐI VỚI THỦY SẢN BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI



(Kèm theo Thông báo số 165 /TB-UBND, ngày 11/11/2025 của UBND xã Phú Lương)

TT	Xóm	Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (dâm/hâm)	Nuôi trồng thủy sản trong bể, lồng, bè	Nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ
		<i>Ha diện tích nuôi bị thiệt hại</i>	<i>100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại</i>	<i>Ha diện tích nuôi bị thiệt hại</i>	<i>tr.đồng</i>
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5,00</i>
I	Làng Ngòi			0,0360	0,54
1	Hoàng Văn Hải A			0,0360	0,54
II	Đông Nghè 1			0,86	12,96
1	Nông Văn Năm			0,036	0,54
2	Lục Văn Chí			0,036	0,54
3	Mông Văn Khánh			0,072	1,08
4	Lăng Văn Thanh			0,072	1,08
5	Hoàng Văn Dũng			0,072	1,08
6	Bùi Ngọc Hạnh			0,072	1,08
7	Lăng Văn Tâm			0,072	1,08
8	Phan Thị Lựu			0,072	1,08
9	Lăng Văn Sinh			0,036	0,54
10	Lê Văn Khu	-	-	0,036	0,54
11	Hoàng Thị Phước			0,036	0,54
12	Lê Văn Hoạch			0,180	2,70
13	Hoàng Văn Hùng			0,036	0,54
14	Lê Văn Khánh			0,036	0,54
III	Đông Nghè 2			0,252	3,78
1	Nông Thị Dịp			0,18	2,70
2	Hoàng Văn Cháy			0,072	1,08
	Tổng			1,152	17,28